

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16-4-2018.

Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Ông Lê Quang Xệt.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 66/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐST-HPT ngày 03 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 2, khu phố Đ, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Ông Ngô Thành B, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 2, khu phố Đ, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/01/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thị T trình bày:

Bà Thị T và ông Ngô Thành B chung sống với nhau từ năm 2008, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương ngày 21/8/2008. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông B thường xuyên chửi bới, đánh đập bà T. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Thành B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Tú T, sinh ngày 03/11/2010. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung; ông B phải cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Ngô Thành B có đơn vắng mặt. Bản tự khai ngày 09/3/2018, ông B trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian chung sống, kết hôn. Về thời gian và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, ông B cho rằng thời gian gần đây bà T hay đi ra ngoài ăn nhậu và bỏ nhà đi mấy ngày mới về nên ông B mới la mắng bà T. Ông B xác định vẫn còn tình cảm với bà T nên ông B không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông B thống nhất với bà T về việc ông với bà T có 01 con chung tên Ngô Tú T, sinh ngày 03/11/2010. Nếu ly hôn thì ông B đồng ý giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông B cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị T về việc xin ly hôn với ông Ngô Thành B; giao con chung là cháu Ngô Tú T, sinh ngày 03/11/2010 cho bà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; ông Tú cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc vắng mặt bị đơn ông Ngô Thành B: Ngày 09/3/2018, ông Tú có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông B.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị T và ông Ngô Thành B chung sống với nhau năm 2008, bà T và ông B là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2008 ngày 21/8/2008, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà T cho rằng quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông B thường xuyên chửi bới, đánh đập bà T làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng,

tình cảm vợ chồng không còn; bà T cho biết bà với ông B đã ly thân từ tháng 12/2017 đến nay; Bản tự khai ngày 09/3/2018, ông B mặc dù có ý kiến là còn thương bà T, không muốn ly hôn nhưng khi được Tòa án triệu tập để hoà giải, tham gia phiên toà thì ông B vẫn không đến, ông B cũng không đưa ra được biện pháp để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ hôn nhân, điều này cho thấy ông B không có thiện chí để Tòa án hoà giải, vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng bà T và ông B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông B là có cơ sở chấp nhận.

[4]. Về con chung: Bà T và ông B có 01 con chung tên Ngô Tú T, sinh ngày 03/11/2010. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng; tại bản tự khai ngày 09/3/2018 ông B xác định nếu bà T và ông B ly hôn thì ông B đồng ý giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông B cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2018, cháu Ngô Tú T có ý kiến nếu bà T và ông B ly hôn thì cháu T sẽ sống cùng với mẹ. Do đó, việc bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng, bị đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[7]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 26, 35, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị T về việc xin ly hôn với bị đơn ông Ngô Thành B như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị T được ly hôn với ông Ngô Thành B.

- Về con chung: Giao cháu Ngô Tú T, sinh ngày 03/11/2010 cho bà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Ngô Thành B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 (bốn triệu) đồng cho đến khi cháu Ngô Tú T đủ 18 tuổi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tính trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Bà Thị T và ông Ngô Thành B đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013707, ngày 09/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên; ông Ngô Thành B phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Thị T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông Ngô Thành B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- UBND phường T,
thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Huệ

